

Thủ Nguyên, ngày 10 tháng 7 năm 2023

## BIÊN BẢN

V/v niêm yết công khai thực hiện dự toán thu- chi 6 tháng đầu năm 2023

I. Thời gian: 15 giờ 30 phút ngày 10 tháng 7 năm 2023

II. Địa điểm: Trường THPT Quang Trung

III. Thành phần:

1. Ông Ngô Văn Tuyên- Phó Hiệu trưởng phụ trách trường
2. Bà Cao Thị Thúy Liên- Chủ tịch công đoàn
3. Bà Vũ Thị Hải Yến- Trưởng ban Thanh tra
4. Bà Vũ Thị Thùy Vân- Thư ký Hội đồng
5. Bà Đỗ Thị Phương Nhã- Kế toán

IV. Nội dung:

1. Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai công khai thực hiện dự toán thu- chi 6 tháng đầu năm 2023 (có biểu mẫu kèm theo)
2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 10 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 09 tháng 8 năm 2023
3. Địa điểm công khai: Bảng thông báo tại Hội đồng giáo dục Nhà Trường.
4. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để được giải đáp.

Biên bản được lập xong vào lúc 14 giờ 00 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất kí tên dưới đây.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Vũ Thị Thùy Vân

TRƯỞNG BAN TTND

Vũ Thị Hải Yến

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

Cao Thị Thúy Liên

PHỤ TRÁCH TRƯỜNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ngô Văn Tuyên

KẾ TOÁN

Đỗ Thị Phương Nhã

Hải Phòng, ngày 10 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách và các khoản thu  
6 tháng đầu năm 2023**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công khai trong các cơ sở giáo dục;*

*Căn cứ kế hoạch của thủ trưởng đơn vị trường THPT Quang Trung;*

*Theo đề nghị của bộ phận kế toán.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện ngân sách và các khoản thu 6 tháng đầu năm 2023 của trường THPT Quang Trung (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) tổ trưởng Văn phòng, phụ trách kế toán, các bộ phận có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

**PHỤ TRÁCH TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Ký, đóng dấu)



**Ngô Văn Tuyến**



**THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023

(Kèm theo Quyết định số 13.09/QĐ-THPTQT ngày 10.1.7...2023 của trường THPT Quang Trung)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 <sup>(1)</sup>	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ..... <sup>(1)</sup> nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
<b>1</b>	<b>Học phí ( nếu có)</b>				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	298	298		
1.2	Mức thu: 77.000đ/HS				
1.3	Tổng số thu trong năm	1.060	571	53,87	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.358	869	53,87	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ( 1)	1.358	869	53,87	
1.6	Số chi trong năm	1.358	179	13,18	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	424		-	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	583	66	11,32	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	159	113	71,07	
	- Chi khác	192		-	
1.7	Số dư đến 30/6/2023		690		
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)				
<b>2</b>	<b>Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)</b> (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
<b>2.1</b>	<b>Dạy thêm học thêm</b>				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	271	271		
2.1.2	Mức thu 9.000đ/tiết				
2.1.3	Tổng số thu trong năm	3.672	1.881	51,23	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	3.943	2.152	54,58	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)	3.943	2.152	54,58	
2.1.6	Số chi trong năm	3.672	1.881	51,23	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	2.570	1.317	51,24	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	441	227	51,52	

	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	330	169	51,14	
	- Chi phúc lợi	330	168	50,84	
	- Chi khác				
2.1.7	Số dư đến 30/6/2023	271	271		
<b>2.2</b>	<b>Dạy nghề THPT</b>				
2.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	-			
2.2.2	Mức thu 10.000đ/tháng				
2.2.3	Tổng số thu trong năm				
2.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
2.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (3)				
2.2.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học				
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo				
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác				
2.2.7	Số dư đến 30/6/2023				
<b>3</b>	<b>Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)</b>				
<b>3.1</b>	.....				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm				
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(3)</sup>				
3.1.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: - .....				
	- .....				
	- .....				
3.1.6	Số dư cuối năm				
	.....				
<b>4</b>	<b>Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</b>				
<b>4.1.</b>	<b>Trông giữ xe</b>				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	86	86		
4.1.2	Mức thu (Xe đạp: 30.000đ, Xe điện: 50.000đ)				
4.1.3	Tổng số thu trong năm	536	268	50	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	674	354	53	

TRƯỜNG  
 NGHỀ HỌC  
 QUANG



4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(3)</sup>	674	354	53	
4.1.6	Số chi trong năm	674	243	36	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	187	70	37	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	54		-	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	433	173	40	
	- Chi phúc lợi				
4.1.7	Số dư đến 30/6/2023	-	111		
<b>5</b>	<b>Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...</b> (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
<b>5.1</b>	<b>Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài</b>		<b>0</b>		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.1.2	Mức thu				
5.1.3	Tổng số thu trong năm				
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(3)</sup>				
5.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng liên kết đào tạo				
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo				
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác: Nộp thuế				
5.1.7	Số dư cuối năm				
<b>6</b>	<b>Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, ....</b> (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
<b>6.1</b>	<b>Bảo hiểm Y tế học sinh</b>				
6.1.1	Số học sinh	1500	0		
6.1.2	Mức thu K10; 11= 680.400/ năm; K12= 510.300/năm				
6.1.3	Tổng thu	933	0		
6.1.4	Đã chi	-	0		
6.1.5	Dư	933	0		
<b>6.2</b>	<b>Bảo hiểm thân thể</b>				
6.2.1	Số học sinh	1.500	0		
6.2.2	Mức thu 200.000đ/năm học				
6.2.3	Tổng thu	300	0		

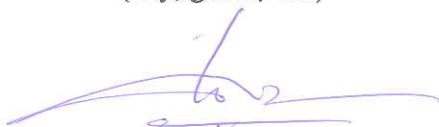
6.2.4	Đã chi	-	0		
6.2.5	Dư	300	0		
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>54</b>	<b>0 0,00</b>		
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học thêm				
4	Trông giữ xe đạp	54	0,00		
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>10.031</b>	<b>5.155</b>	<b>51,39</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>10.031</b>	<b>5.155</b>	<b>51,39</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				



	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>10.031</b>	<b>5.155</b>	<b>51,39</b>	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	<b>10.031</b>	5.155	51,39	
	Chi thanh toán cá nhân	8.225	4.776	58,07	
	Chi phí vật tư, CCDC và DV đã sử dụng	752	119	15,82	
	Chi mua sắm sửa chữa tài sản thường xuyên	251			
	Chi thường xuyên khác	803	260	32,38	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
<b>II</b>	<b>Nguồn viện trợ</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2023

Người lập  
(Ký, ghi họ tên)

  
Đỗ Thị Phương Thảo

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)

  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
Ngô Văn Tuyên